

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP ĐÀ NẴNG
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **23/2026/HSST**
Ngày 05-02-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1 Ông Ngô Văn Khanh

2. Bà Trương Thị Mỹ Hạnh

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Hồ Việt Công Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4- Đà Nẵng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 4- Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Giang – Kiểm sát viên

Ngày 05 tháng 02 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4- Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 103/2025/HSST ngày 31 tháng 12 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2025/QĐXXST-HS ngày 23/01/2026 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Trần Phước Đ**; tên gọi khác: không; Sinh ngày: 06/5/1998, tại Đà Nẵng. Nơi ĐKKTT và chỗ ở: Thôn Q, phường L, Đà Nẵng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 11/12; Nghề nghiệp: lao động phổ thông; Con ông: Trần B (sinh năm: 1974), con bà: Nguyễn Thị B1 (sinh năm 1974); Gia đình bị cáo có 03 anh em, bị cáo là con thứ nhất. Có vợ là Y Y (sinh năm: 2002), có 1 con sinh năm: 2020

Tiền án, tiền sự: không

Nhân thân: Ngày 20/3/2017 bị Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xử phạt 03 năm tù giam về tội Cướp giật tài sản theo Bản án hình sự phúc thẩm số 59/2017/HSPT cùng ngày. Bị can đã chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 29/01/2019, chấp hành xong phần án phí hình sự vào ngày 05/6/2017.

Bị cáo bị bắt ngày 14/6/2025, hiện đang bị tạm giam Phân trại tạm giam H, thành phố Đà Nẵng. *Có mặt*

2. Họ và tên: **Huỳnh Thị Thanh T**; tên gọi khác: không; Sinh ngày: 27/10/2000, tại Đà Nẵng; Nơi ĐKKTT và chỗ ở: Tổ E phường H, thành phố Đà Nẵng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 10/12; Nghề nghiệp: lao động phổ thông, Con ông: Huỳnh Tấn V (sinh năm: 1980); con bà: Lương Thị Thu T1 (sinh năm: 1982); bị cáo là con duy nhất trong gia đình, có chồng là Nguyễn Trần Công T2 (sinh năm: 1989) và 01 con sinh năm 2017

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt ngày 10/6/2025, hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam số A thành phố Đà Nẵng. *Có mặt*

3. Họ và tên: **Trần Văn H**; tên gọi khác: không; Sinh ngày: 27/8/1998, tại Hà Nội; Nơi ĐKKHKT: Đ, Thôn M, xã C, thành phố Hà Nội. Chỗ ở hiện nay: Căn hộ CT10-11.07 Tòa nhà CT10 chung cư nhà ở xã hội Bầu Tràm Lakeside O phường H, Đà Nẵng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: lao động phổ thông, Con ông: Trần Văn T3 (sinh năm:1966), con bà: Nguyễn Thị G (sinh năm: 1966); Gia đình có 2 anh em, bị cáo là con thứ nhất, có vợ là Nguyễn Thị N (sinh năm: 2002) và 01 con sinh năm 2021.

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt ngày 10/6/2025, hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam H, thành phố Đà Nẵng. *Có mặt*

4. Họ và tên: **Phùng Đức A**; tên gọi khác: không; Sinh ngày: 14/7/2003, tại Hà Nội; Nơi ĐKKHKT: Thôn P, xã C, thành phố Hà Nội. Chỗ ở hiện nay: Căn hộ CT10-11.07 Tòa nhà CT10 chung cư nhà ở xã hội Bầu Tràm Lakeside O phường H, Đà Nẵng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: lao động phổ thông, Con ông: Phùng Công H1 (sinh năm:1977), con bà: Hoàng Thị Thu H2 (sinh năm: 1980); Gia đình có 2 chị em, bị cáo là con thứ hai, có vợ là Ngô Thị Trà M (sinh năm: 2003) và 02 con, con lớn sinh năm 2021, con nhỏ sinh năm 2023.

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt ngày 10/6/2025, hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam H, thành phố Đà Nẵng. *Có mặt*

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông Lê Quang Huy V1, sinh năm: 1972; Địa chỉ: D N, phường H, Đà Nẵng. *Vắng mặt*

Bà Võ Thị Ánh T4, sinh năm: 1984; Địa chỉ: D N, phường H, Đà Nẵng. *Vắng mặt*

Ông Lưu Minh G1, sinh năm: 1977; Địa chỉ: D N, phường H, Đà Nẵng. *Vắng mặt*

Ông Trần Trung H3, sinh năm: 1977; Địa chỉ: Căn hộ A Tòa nhà C chung cư N xã H Lake side O, phường H, Đà Nẵng. Có đơn xin xét xử vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 10h00 ngày 10/6/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ phối hợp với Công an phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng (cũ, nay là Công an phường H, thành phố Đà Nẵng) tiến hành kiểm tra hành chính tại căn hộ CT10-11.07, tòa CT10, chung cư nhà ở xã H, phường H, thành phố Đà Nẵng thì phát hiện bên trong căn hộ có Trần Văn H, Phùng Đức A và Huỳnh Thị Thanh T cùng các đồ vật liên quan đến việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và tàng trữ trái phép chất ma túy. Cơ quan điều tra đã thu giữ: 01 (một) đĩa sứ màu trắng, đường kính khoảng 15cm, trên bề mặt đĩa có chất bột màu trắng, thu chất bột màu trắng cho vào gói nilon

kích thước khoảng 12x7cm bỏ vào bì niêm phong (ký hiệu A); 01 (một) ống hút được quấn từ tờ tiền mệnh giá 50.000 VND, hai đầu được cố định bằng miếng giấy vò đầu lọc điều thuốc lá 555; 01 (một) gói nilon kích thước khoảng 04x04cm chứa chất rắn dạng tinh thể (ký hiệu B); 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 14 Promax gắn sim số 0345.558.444 của Đức A; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 6S, gắn sim số 0766.690.656; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 11 Promax, gắn sim số 0847.001.998 của Trần Văn H; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 6S, gắn sim số 0896.384.148; 01 xe mô tô hiệu Honda Vision màu trắng gắn BKS 43E1-152.75 của Huỳnh Thị Thanh T.

Đến ngày 14/6/2025, Trần Phước Đ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ đầu thú, khai nhận về hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy cùng Trần Văn H, Phùng Đức A, Huỳnh Thị Thanh T, Phan Quốc H4 (Sinh năm 1996, trú tại phường H, thành phố Đà Nẵng) và Trần Thị Minh H5 (Sinh năm 1995, trú tại tổ C, phường H, thành phố Đà Nẵng) tại phòng 303 quán K1 (địa chỉ: số D N, phường H, thành phố Đà Nẵng) vào đêm ngày 09/6/2025 và rạng sáng ngày 10/6/2025. Cơ quan điều tra đã thu giữ của Trần Phước Đ 01(một) điện thoại di động hiệu Iphone 15 Pro, gắn sim số 0799.279.915

Quá trình điều tra xác định như sau:

Vào khoảng 22h00 ngày 09/6/2025, Phan Quốc H4, Trần Thị Minh H5, Huỳnh Thị Thanh T, Trần Văn H, Phùng Đức A rủ nhau đi hát karaoke tại quán K1. H4, H5 và T đến quán trước và nhận phòng 303. Sau khi nhận phòng, H4 liên hệ với Trần Phước Đ (lúc này, Đ cũng có mặt ở quán K1) và yêu cầu Đ đem gói ma túy được bọc bằng giấy mà H4 đưa cho Đ cất giữ trước đó lên phòng 303 để cả nhóm cùng sử dụng. Đ cầm gói giấy chứa ma túy lên phòng 303 thì H4 mở ra, bên trong có thuốc lắc và 02 (hai) gói ketamine. Lúc này, H và A cũng đến quán karaoke và lên phòng 303. Trước khi đến quán K1, H sử dụng tài khoản ngân hàng của mình số 0847001998 mở tại ngân hàng TMCP Q chuyển đến tài khoản của Phùng Đức A số 4099999999999 mở tại ngân hàng TMCP K2 số tiền 5.000.000 đồng để thanh toán tiền karaoke (trong đó có 3 triệu đồng tiền mượn và 2 triệu đồng tiền dùng). Tại phòng 303 quán K1, cả nhóm cùng nhau hát karaoke và sử dụng ma túy. Trong khoảng thời gian này, cả nhóm có gọi thêm 01 (một) nữ nhân viên phục vụ (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) vào phòng 303, Anh có sử dụng tài khoản ngân hàng của mình số 4099999999999 chuyển khoản số tiền 3.000.000 đồng đến tài khoản ngân hàng số 0798515642 mở tại ngân hàng TMCP Q đứng tên Phan Quoc H6 của Phan Quốc H4 để đổi tiền mặt. Còn Đ vì đang làm việc cho quán K1 nên có ra vào phòng 303 nhiều lần, trong đó, có lần Đ đi vào phòng 303 được H4 mời sử dụng ma túy thì Đ đồng ý và T đưa đĩa ma túy chứa ketamine đã cả mìn cho Đ để sử dụng. Đến khoảng 02 giờ sáng ngày 10/6/2025, H4 và H5 đi về trước, Đ đi lên phòng 303 thì thấy trong phòng còn T, H, A đang ở đây. Đến 02 giờ 49 phút cùng ngày, nhóm của T ra về, H và A xuống quầy tính tiền trước, còn T ở lại cùng Đ lấy ma túy ketamine đã cả mìn trên đĩa còn dư cho vào giấy gói lại để T đem về sử dụng (số ma túy này sau đó T đã đưa ra để Trần Văn H và Phùng Đức A sử dụng trái phép tại căn hộ CT10-11.07, tòa CT10, chung cư nhà ở xã hội Bàu tràm Lakeside Origarden). Sau đó, T đi xuống quầy tính tiền thì H4 liên hệ và nói T quay lại phòng 303 lấy 01 (một)

gói ketamine chưa sử dụng đem về cho H4 (đây chính là gói ma túy thu giữ tại căn hộ CT10-11.07 ký hiệu B gửi giám định). T liền quay lại phòng 303 gặp Đ, Đ chỉ chỗ để gói ma túy ketamine cho T lấy đem về.

Khi xuống dưới quầy tính tiền, Anh sử dụng tài khoản ngân hàng của mình số D chuyển khoản thanh toán tiền karaoke đến tài khoản ngân hàng số 905607788 mở tại ngân hàng TMCP N2 đứng tên Vo Thi Anh T5 số tiền 2.885.000 đồng của bà Võ Thị Anh T4 là người quản lý của quán K1. Số tiền mà Anh thanh toán karaoke là của Trần Văn H chuyển đến trước đó, nhưng vì Anh đổi tiền mặt nên trong tài khoản không còn đủ tiền, Anh có nói với T biết và T sử dụng tài khoản ngân hàng của mình số 1043301680 mở tại ngân hàng TMCP V3 chuyển số tiền 500.000 đồng đến tài khoản ngân hàng số 4099999999999 của A. Đồng thời, T liên hệ Phan Quốc H4 và H4 sử dụng tài khoản ngân hàng số 0798515642 chuyển đến tài khoản số 4099999999999 của Anh số tiền 1.500.000 đồng để thanh toán tiền karaoke. Sau đó, H, A, T cùng di chuyển về căn hộ CT10-11.07, tòa CT10, chung cư nhà ở xã H, phường H, thành phố Đà Nẵng (căn hộ này do H thuê từ ông Trần Trung H3 – Sinh năm 1977, trú tại tổ E, phường T, thành phố Đà Nẵng theo hợp đồng cho thuê căn hộ lập ngày 07/5/2025). Khi về đến căn hộ trên, T đưa gói giấy chứa ma túy ketamine đã cà mìn lấy ở quán K1 trước đó ra, Anh lấy đĩa sứ và đổ ma túy ra đĩa, T đưa cho Anh tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng để Anh quán thành ông hút. Sau đó, H và A cùng sử dụng ma túy ketamine, còn T đi ngủ không sử dụng. Gói ma túy chưa sử dụng ở quán K1 mà T đem về cho H4 ký hiệu B gửi giám định được T bỏ trong bao nylon trong khoắc màu đỏ để trên bàn gỗ tại phòng khách. Đến sáng ngày 10/6/2025 thì cơ quan Công an tiến hành kiểm tra hành chính căn hộ trên và phát hiện, lập biên bản quả tang như đã nêu.

Ngày 18/6/2025, Phòng K3 Công an thành phố Đ ban hành Kết luận giám định số 471 xác định: Chất bột màu trắng trong bì niêm phong ký hiệu A và mẫu tinh thể rắn trong bì niêm phong ký hiệu B gửi giám định là ma túy, loại Ketamine. Khối lượng mẫu A: 0,599 gam, khối lượng mẫu B: 1,175 gam

Cùng ngày, Phòng K3 Công an thành phố Đ ban hành Kết luận giám định số 472 xác định: Trong mẫu nước tiểu được niêm phong ký hiệu A1, B1, C1 gửi giám định đều tìm thấy chất ma túy, loại MDMA, Ketamine

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng giữ nguyên quan điểm truy tố theo Bản cáo trạng số: 46/CT-VKSLC ngày 29/12/2025 và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố Trần Phước Đ phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự và T6 “Tàng trữ sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm g khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự; bị cáo Huỳnh Thị Thanh T phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm a, b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự và T6 “Tàng trữ sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm g khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự; Trần Văn H, Phùng Đức A phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm a, b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt Trần Phước Đ từ 08 năm đến 09 năm tù.

Áp dụng điểm g khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt Trần Phước Đ từ 02 năm đến 03 năm tù

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt cho cả hai tội đối với Đ

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255, điểm r, s khoản 1 Điều 51 điều 38, Bộ luật hình sự.

Xử phạt Huỳnh Thị Thanh T từ 09 năm đến 10 năm tù.

Áp dụng điểm g khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, điều 38, Bộ luật hình sự.

Xử phạt Huỳnh Thị Thanh T từ 02 năm đến 03 năm tù.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt cho cả hai tội đối với T

Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 255, điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 điều 38, Bộ luật hình sự.

Xử phạt Trần Văn H từ 08 năm đến 09 năm tù.

Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 255, điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 điều 38, Bộ luật hình sự.

Xử phạt Phùng Đức A từ 08 năm đến 09 năm tù.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Đề nghị HĐXX tuyên

-Tịch thu tiêu hủy:

+ 02 mẫu ma túy hoàn trả sau giám định bỏ trong 2 bì niêm phong ký hiệu A, B theo quyết định trưng cầu giám định 221/QĐ-CSĐT ngày 11/6/2025 và biên bản đóng gói niêm phong và giao lại đối tượng giám định ngày 12/6/2025 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ. Cụ thể: khối lượng mẫu A: 0,269 gam, khối lượng mẫu B: 0,926 gam, và vỏ bao gói mẫu hoàn trả.

+ 01 đĩa sứ màu trắng đường kính 15cm

+ 02 sim số 0847001998, 0896384148 của Trần Văn H, 01 sim số của 0345 558 444 của Phùng Đức A; 01 sim số 0799279915 của Trần Phước Đ; 01 sim số 0766 690 656 của Huỳnh Thị Thanh T

-Tịch thu sung công quỹ nhà nước:

+01 điện thoại di động hiệu Iphone 14 Promax của Phùng Đức A;

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6s, màu trắng số Imei 355413071983270 của Huỳnh Thị Thanh T

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Promax của Trần Văn H

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone 15 Pro của Trần Phước Đ

+ Tờ tiền mệnh giá 50.000 VNĐ, hai đầu được cố định bằng miếng giấy vò đầu lọc thuốc lá 555

Quy trừ 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S của Trần Văn H để đảm bảo thi hành án.

Vật chứng hiện do Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Đà Nẵng quản lý theo biên bản giao nhận ngày 26/01/2026

- Tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và không có ý kiến tranh luận gì.

Lời nói sau cùng của các bị cáo:

Bị cáo Đ rất hối hận về hành vi của mình xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm trở về với gia đình, cải tạo thành công dân có ích cho xã hội

Bị cáo T nhận thức hành vi của mình là sai trái xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để sớm về với gia đình, với con nhỏ.

Bị cáo H xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để cải tạo thành công dân có ích cho xã hội, sớm trở về với vợ con.

Bị cáo Anh xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để cải tạo thành công dân có ích cho xã hội, sớm trở về với vợ con. Bị cáo hứa sẽ không tái phạm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, xét lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu điều tra thu thập đầy đủ có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở để xác định:

Vào lúc 22 giờ ngày 09/6/2025, tại phòng 303, quán K1, số D N, phường H, thành phố Đà Nẵng, Trần Phước Đ, Huỳnh Thị Thanh T, Trần Văn H và Phùng Đức A có hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, loại ketamine cho cả nhóm và Phan Đức H7, Trần Thị Minh H5 cùng sử dụng. Trong đó, Trần Phước Đ là người cung cấp ma túy ketamine và thuốc lắc. Huỳnh Thị Thanh T, Trần Văn H và Phùng Đức A là người thanh toán tiền thuê địa điểm để cả nhóm cùng sử dụng ma túy; Huỳnh Thị Thanh T còn đưa đĩa sứ chứa ma túy ketamine cho Đ sử dụng. Ngoài ra, Trần Phước Đ và Huỳnh Thị Thanh T còn có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, khối lượng ma túy mà các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự là 1,774 gam ketamine.

Vào rạng sáng ngày 10/6/2025, tại căn hộ C, tòa CT10, chung cư nhà ở xã H, phường H, thành phố Đà Nẵng, Huỳnh Thị Thanh T, Trần Văn H và Phùng Đức A có hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, loại ketamine cho cả nhóm. Trong đó, T là người cung cấp ma túy, tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng; H là người cung cấp địa điểm; Anh là người lấy đĩa sứ, đổ ma túy ketamine ra đĩa và quán tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng thành ống hút để H và A cùng sử dụng.

Hành vi của Trần Phước Đ đủ yếu tố cấu thành Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy với tình tiết định khung “Đối với 2 người trở lên” theo điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự, và cấu thành tội tàng trữ trái phép chất ma túy với tình tiết định

khung “*Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 01 gam đến dưới 20gam*” theo điểm g khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Hành vi của bị cáo Huỳnh Thị Thanh T đủ yếu tố cấu thành tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy với tình tiết định khung “*Đối với 2 người trở lên*” và “*phạm tội 2 lần trở lên*” theo điểm a, b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự, và cấu thành tội tàng trữ trái phép chất ma túy với tình tiết định khung “*Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 01 gam đến dưới 20gam*” theo điểm g khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Hành vi của Trần Văn H đủ yếu tố cấu thành Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy với tình tiết định khung “*Đối với 2 người trở lên*” và “*phạm tội hai lần trở lên*” theo điểm a, b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự

Hành vi của Phùng Đức A đủ yếu tố cấu thành Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy với tình tiết định khung “*Đối với 2 người trở lên*” và “*phạm tội hai lần trở lên*” theo điểm a, b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự

Do đó cáo trạng số: 46/CT-VKSKV4 ngày 29/12/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Đà Nẵng đã truy tố đối với các bị cáo là có cơ sở, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội thì thấy: Ma túy hiện đang là tệ nạn của xã hội, gây ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe, lao động, học tập của con người và là nguyên nhân của các tội phạm khác như: Trộm cắp, cướp giật, giết người ... làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự an toàn xã hội, đồng thời cũng là một trong những nguyên nhân làm lây lan căn bệnh thế kỷ HIV-AIDS. Vì vậy, Đảng và Nhà nước ta đã đề ra nhiều chủ trương, biện pháp nhằm tuyên truyền, quán triệt sâu rộng trong nhân dân thông qua các phương tiện thông tin đại chúng. Các bị cáo nhận thức được điều đó, song để phục vụ cho nhu cầu bản thân đã bất chấp sự trừng trị của pháp luật các bị cáo đã tàng trữ trái phép chất ma túy để tổ chức việc sử dụng trái phép chất ma túy tại quán K1 địa chỉ D N, phường H và căn hộ C tòa nhà C chung cư N ở xã hội bầu Trầm L, phường H. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thực hiện với lỗi cố ý không những xâm phạm tới chính sách quản lý độc quyền của nhà nước về các chất ma túy mà còn gây ảnh hưởng đến tình hình trật tự an toàn xã hội, gây bất ổn trong nhân dân trên địa bàn Tp Đà Nẵng. Do đó cần phải quyết định một mức án thật nghiêm khắc, mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của các bị cáo thì thấy:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không có

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo T, A, H có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Trong suốt quá trình điều tra và tại phiên tòa 04 bị cáo thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải do đó đủ cơ sở áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo T, A, H khi bị bắt tại căn hộ thuộc phường H đã tự khai ra hành vi tổ chức sử dụng ma túy tại quán K1 ngày 09/6/2025 nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ tự thú quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Riêng bị cáo Đ có bà ngoại Trần Thị H8 được tặng thưởng Huy Chương kháng chiến, bị cáo ra đầu thú. Bị cáo Phùng Đức A có hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn bị cáo là lao động chính có xác nhận chính quyền địa phương; bị cáo Trần Văn H hiện nay có hoàn cảnh gia đình khó khăn bố ruột Trần Văn T3 bị

bệnh tâm thần, mẹ ruột Nguyễn Thị G bị bệnh tim và con gái Trần Diệu N1 sinh năm 2021 bị bệnh tăng sản thượng thận bẩm sinh có xác nhận của chính quyền địa phương nên được xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

Căn cứ tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo xét thấy cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi cộng đồng một thời gian mới đủ sức răn đe và phòng ngừa chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy cần áp dụng hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền đối với cả 2 bị cáo Đ và T theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật hình sự.

[6] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên:

-Tịch thu tiêu hủy:

+ 02 mẫu ma túy hoàn trả sau giám định bỏ trong 2 bì niêm phong ký hiệu A, B theo quyết định trưng cầu giám định 221/QĐ-CSĐT ngày 11/6/2025 và biên bản đóng gói niêm phong và giao lại đối tượng giám định ngày 12/6/2025 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ. Cụ thể: khối lượng mẫu A: 0,269 gam, khối lượng mẫu B: 0,926 gam, và vỏ bao gói mẫu hoàn trả.

+ 01 đĩa sứ màu trắng đường kính 15cm

+ 02 sim số 0847001998, 0896384148 của Trần Văn H, 01 sim số của 0345 558 444 của Phùng Đức A; 01 sim số 0799279915 của Trần Phước Đ; 01 sim số 0766 690 656 của Huỳnh Thị Thanh T

-Tịch thu sung công quỹ nhà nước:

+01 điện thoại di động hiệu Iphone 14 Promax của Phùng Đức A;

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6s, màu trắng số Imei 355413071983270 của Huỳnh Thị Thanh T

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Promax của Trần Văn H

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone 15 Pro của Trần Phước Đ

+ Tờ tiền mệnh giá 50.000 VNĐ, hai đầu được cố định bằng miếng giấy vò đầu lọc điều thuốc lá 555

Quy trừ 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S của Trần Văn H để đảm bảo thi hành án.

Vật chứng hiện do Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Đà Nẵng quản lý theo biên bản giao nhận ngày 26/01/2026

[7] Đối với Phan Quốc H4, Trần Thị Minh H5 và nữ nhân viên phục vụ (chưa xác định được nhân thân, lai lịch): Đến nay, Cơ quan điều tra chưa làm việc được với các đối tượng này để xác định các nội dung liên quan. Ngày 05/12/2025, Cơ quan điều tra ra quyết định tách vụ án hình sự số 14112 đối với hành vi của Phan Quốc H4, Trần Thị Minh H5 và nữ nhân viên phục vụ để tiếp tục điều tra, làm rõ là có cơ sở.

[8] Đối với ông Lê Quang Huy V1 là chủ hộ kinh doanh karaoke L: ông V1 không biết việc các bị cáo thực hiện hành vi vi phạm pháp luật nên không truy cứu trách nhiệm hình sự với ông V1 là có cơ sở. Tuy nhiên, vì ông V1 là người đứng tên chủ hộ kinh doanh và để xảy ra hoạt động sử dụng trái phép chất ma túy, do đó, Cơ quan điều tra chuyển toàn bộ hồ sơ liên quan cho Công an thành phố Đ để xử phạt vi phạm hành chính đối với ông V1 là có cơ sở nên không đề cập.

[9] Đối với bà Võ Thị Ánh T4 và ông Lưu Minh G1 là quản lý của quán karaoke L; bà Phạm Thị Anh K (Sinh năm 1982, trú tại số B N, phường H, thành phố Đà Nẵng), ông Nguyễn Công L1 (Sinh năm 2000, trú tại K Á, phường L, thành phố Đà Nẵng), ông Vũ Đức T7 (Sinh năm 1993, trú tại 0 Đ, phường H, thành phố Đà Nẵng), ông Ngô Thanh P (Sinh năm 2004, trú tại phường L, thành phố Đà Nẵng), ông Trần Ngọc H9 (Sinh năm 2003, trú tại phường L, thành phố Đà Nẵng), ông Phan Anh T8 (Sinh năm 2000, trú tại phường L, thành phố Đà Nẵng), ông Lê Nguyễn Nhựt P1 (Sinh năm 2000, trú tại phường H, thành phố Đà Nẵng) – là các nhân viên làm việc tại quán K1: Các cá nhân này không biết việc các bị cáo tổ chức sử dụng ma túy tại phòng 303 nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có cơ sở.

[10] Đối với ông Trần Trung H3 là chủ căn hộ CT10-11.07, tòa CT10, chung cư nhà ở xã H, phường H, thành phố Đà Nẵng: ông H3 không biết việc Trần Văn H sử dụng căn hộ nêu trên để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có cơ sở.

[11] Trên cơ sở lý lịch của bị cáo Huỳnh Thị Thanh T xác định: Tuyền sinh ngày 27/10/2000, có chồng là Nguyễn Trần Công T2 (Sinh năm 1989). Ngày 05/6/2017, T sinh cháu Nguyễn Công V2. Cơ quan điều tra đã tiến hành thu thập Giấy chứng sinh của cháu V2, nhưng không thể hiện cháu V2 sinh ra khi được bao nhiêu tuần tuổi. Xác minh tại bệnh viện Phụ sản nhi thành phố Đ thì bệnh viện chưa thể cung cấp hồ sơ liên quan đến vụ việc nêu trên để có cơ sở xác định chính xác thời điểm thụ thai của T đối với cháu V2. Do đó, Cơ quan điều tra tiếp tục làm rõ, xử lý sau là có cơ sở.

[12] Đối với xe mô tô hiệu Honda Vision BKS 43E1-152.75 mà Huỳnh Thị Thanh T sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội: Quá trình điều tra xác định chiếc xe này đứng tên chủ sở hữu là Trần Thị Minh H5. Tuy nhiên, Cơ quan điều tra chưa làm việc được với H5 để xác định các nội dung liên quan. Do đó, Cơ quan điều tra tách phần vật chứng này để xử lý trong vụ án được tách ra theo Quyết định số 14112 ngày 05/12/2025 nêu trên là có cơ sở nên không đề cập.

[13] Án phí HSST: mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

[14] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4- Đà Nẵng phù hợp với hướng nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo **Trần Phước Đ, Huỳnh Thị Thanh T** phạm tội "*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*" và "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*". Bị cáo **Trần Văn H, Phùng Đức A** phạm tội "*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*"

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: **Trần Phước Đ 08 (tám) năm tù.**

- Căn cứ điểm g khoản 1, khoản 5 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: **Trần Phước Đ 02 (hai) năm 06 tháng tù.**

Phạt bổ sung 10.000.000 đồng

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt cho 2 tội buộc Trần Phước Đ phải chấp hành: **10 (Mười) năm 06 (sáu) tháng tù**. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt, ngày 14/6/2025

Phạt bổ sung số tiền đối với Trần Phước Đ 10.000.000 đồng

- Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm r, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: **Huỳnh Thị Thanh T 09 (chín) năm tù**.

- Căn cứ điểm g khoản 1, khoản 5 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: **Huỳnh Thị Thanh T 02 (hai) năm 06 tháng tù**.

Phạt bổ sung 10.000.000 đồng

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt cho 2 tội buộc Huỳnh Thị Thanh T phải chấp hành: **11 (Mười một) năm 06 (sáu) tháng tù**. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt, ngày 10/6/2025.

Phạt bổ sung số tiền đối với Huỳnh Thị Thanh T 10.000.000 đồng

- Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: **Trần Văn H 08 (tám) năm tù**. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt, ngày 10/6/2025.

- Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: **Phùng Đức A 08 (tám) năm tù**. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt, ngày 10/6/2025

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên:

-Tịch thu tiêu hủy:

+ 02 mẫu ma túy hoàn trả sau giám định bỏ trong 2 bì niêm phong ký hiệu A, B theo quyết định trưng cầu giám định 221/QĐ-CSĐT ngày 11/6/2025 và biên bản đóng gói niêm phong và giao lại đối tượng giám định ngày 12/6/2025 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ. Cụ thể: khối lượng mẫu A: 0,269 gam, khối lượng mẫu B: 0,926 gam, và vỏ bao gói mẫu hoàn trả.

+ 01 đĩa sứ màu trắng đường kính 15cm

+ 02 sim số 0847001998, 0896384148 của Trần Văn H, 01 sim số của 0345 558 444 của Phùng Đức A; 01 sim số 0799279915 của Trần Phước Đ; 01 sim số 0766 690 656 của Huỳnh Thị Thanh T

-Tịch thu sung công quỹ nhà nước:

+01 điện thoại di động hiệu Iphone 14 Promax của Phùng Đức A;

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6s, màu trắng số Imei 355413071983270 của Huỳnh Thị Thanh T;

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Promax của Trần Văn H

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone 15 Pro của Trần Phước Đ

+ Tờ tiền mệnh giá 50.000 VNĐ, hai đầu được cố định bằng miếng giấy vô đầu lọc điều thuốc lá 555

Quy trữ 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S của Trần Văn H để đảm bảo thi hành án.

Vật chứng hiện do Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Đà Nẵng quản lý theo biên bản giao nhận ngày 26/01/2026

3. Án phí HSST: Căn cứ Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Phước Đ, Huỳnh Thị Thanh T, Trần Văn H, Phùng Đức A mỗi người phải chịu 200.000 đồng

4. Án xử công khai, các bị cáo có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được trích sao bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự,

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4;
- Công an thành phố Đà Nẵng;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hạnh

